

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung toàn diện

PHÚC BẢO AN TRƯỜNG THỊNH 2.0

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN

1. ĐẦU TƯ AN TOÀN HIỆU QUẢ

- Hưởng lãi suất đầu tư thực tế nhưng không thấp hơn lãi suất đảm bảo.
- Lãi suất đảm bảo hấp dẫn ở mức 5.0% và 4.5% cho 2 năm đầu của hợp đồng.
- MIỄN PHÍ BAN ĐẦU khi muốn tăng nhanh số tiền đầu tư bằng phí đóng thêm

2. ĐẦU TƯ Càng Nhiều Giá Trị Càng Cao

- Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng lên tới 10% Giá trị tài khoản.

3. BẢO HIỂM TOÀN DIỆN TRON ĐỜI

- Bảo vệ tới năm 99 tuổi.
- Linh hoạt lựa chọn các quyền lợi thương tật do tai nạn, 100 bệnh hiểm nghèo, viện phí

4. BẢO VỆ CẢ GIA ĐÌNH TRON ĐỜI TRONG CÙNG MỘT HỢP ĐỒNG

- Tham gia quyền lợi tăng cường để gia tăng bảo vệ cho người thân và gia đình của bạn.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG

- Quyền lợi Tử vong/Thương tật toàn bộ vĩnh viễn
- Giá trị tài khoản hợp đồng ước tính

VND 510,118,000~8,726,051,000

VND 11,977,000 ~ 8,726,051,000

Phiên bản: 4.5.0



Bên Mua Bảo Hiểm: Nguyễn Văn A
Tư Vấn Viên: DUMMY_ACT
Mã Số Tư Vấn Viên: 0000000000001
Ngày in: 01/12/2019

PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC PHÍ LIÊN QUAN

1. **Phí bảo hiểm cơ bản**: là khoản phí của Quyền lợi bảo hiểm chính do Bên mua bảo hiểm chọn đóng tại thời điểm tham gia hợp đồng. Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
2. **Phí bảo hiểm tăng cường**: là khoản phí của (các) Quyền lợi bảo hiểm tăng cường (nếu có). Phí bảo hiểm tăng cường được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu.
3. **Phí bảo hiểm định kỳ**: là tổng phí bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm phải đóng theo định kỳ do các bên thỏa thuận, bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm tăng cường (nếu có).
4. **Phí bảo hiểm đóng thêm**: là số tiền đóng thêm sau khi Bên mua bảo hiểm đã đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm tăng cường (nếu có) của năm hợp đồng hiện tại và các Năm hợp đồng trước đó. Phí bảo hiểm đóng thêm được phân bổ vào Giá trị tài khoản đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu.
5. **Phí ban đầu**

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7+
% Phí BH cơ bản	70%	50%	30%	10%	5%	2%	2%
% Phí BH tăng cường	50%	40%	25%	10%	5%	5%	0%
% Phí BH đóng thêm	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

6. **Phí bảo hiểm rủi ro**: là khoản phí được khấu trừ hàng tháng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng từ Giá trị tài khoản hợp đồng. Tỷ lệ phí bảo hiểm rủi ro dùng để tính Phí bảo hiểm rủi ro phụ thuộc vào tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe và nghề nghiệp của Người được bảo hiểm.
7. **Phí quản lý hợp đồng**: là khoản phí được khấu trừ hàng tháng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng từ Giá trị tài khoản hợp đồng.
Phí quản lý hợp đồng là 30.000 đồng/tháng và có thể được điều chỉnh nhưng sẽ không vượt quá 50.000 đồng/tháng.
8. **Phí quản lý quỹ**: là khoản tiền dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết chung.
Phí quản lý quỹ không vượt quá 2,5%/năm tính trên Giá trị tài khoản hợp đồng.

Phiên bản: 4.5.0



Bên Mua Bảo Hiểm: Nguyễn Văn A
 Tư Vấn Viên: DUMMY_ACT
 Mã Số Tư Vấn Viên: 0000000000001
 Ngày in: 01/12/2019

9. Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn: là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn như quy định sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11+
% Phí bảo hiểm cơ bản năm đầu	100%	100%	100%	90%	90%	50%	40%	30%	20%	10%	0%
% Giá trị tài khoản đóng thêm	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%

10. Phí rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng: là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng.

Đối với Giá trị tài khoản cơ bản: Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền từ năm hợp đồng thứ 3 trở đi.

Đối với Giá trị tài khoản đóng thêm: Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền vào bất kỳ thời điểm nào trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực.

Phí rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng được áp dụng như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11+
% Số tiền rút từ Giá trị tài khoản cơ bản	Không áp dụng		2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	2%	0%
% Số tiền rút từ Giá trị tài khoản đóng thêm	2%	2%	2%	2%	2%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

11. Lãi suất cam kết tối thiểu tích lũy vào Giá trị tài khoản hợp đồng như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11+
Lãi suất cam kết tối thiểu	5.0%	4.5%	4.0%	4.0%	4.0%	3.0%	3.0%	3.0%	3.0%	3.0%	2.0%

Phiên bản: 4.5.0



Bên Mua Bảo Hiểm: Nguyễn Văn A
 Tư Vấn Viên: DUMMY_ACT
 Mã Số Tư Vấn Viên: 0000000000001
 Ngày in: 01/12/2019

BẢNG MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Thông tin khách hàng	Họ và tên	Ngày sinh	Tuổi bảo hiểm	Giới tính	Hạng nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm	Nguyễn Văn A	1/1/1984	35	Nam	1
Người được bảo hiểm	Nguyễn Văn A	1/1/1984	35	Nam	1

Số tiền sau đây được thể hiện theo đơn vị Việt Nam Đồng.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CHÍNH

Tên sản phẩm	Tên Người được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng (năm)	Thời hạn đóng phí dự kiến (năm)	Số tiền bảo hiểm	Định kỳ đóng phí	Phí bảo hiểm cơ bản
PHÚC BẢO AN TRƯỜNG THỊNH 2.0 (CUL01)	Nguyễn Văn A	64	15	500,000,000	Hàng năm	10,500,000

TÓM TẮT QUYỀN LỢI TĂNG CƯỜNG

Quyền lợi bảo hiểm tăng cường	Tên Người được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng (năm)	Thời hạn đóng phí dự kiến (năm)	Số tiền bảo hiểm	Định kỳ đóng phí	Phí bảo hiểm tăng cường
QUYỀN LỢI TỬ VONG VÀ THƯƠNG TẬT DO TAI NẠN (UAD)	Nguyễn Văn A	30	15	100,000,000	Hàng năm	290,000
QUYỀN LỢI HỖ TRỢ VIỆN PHÍ (UHS) ^(*)	Nguyễn Văn A	30	15	500,000	Hàng năm	1,994,000
QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO (UCI) ^(**)	Nguyễn Văn A	30	15	100,000,000	Hàng năm	450,000

Tổng cộng phí bảo hiểm tăng cường: 2,734,000

Phiên bản: 4.5.0



Bên Mua Bảo Hiểm: Nguyễn Văn A
 Tư Vấn Viên: DUMMY_ACT
 Mã Số Tư Vấn Viên: 0000000000001
 Ngày in: 01/12/2019

(*):

- Thời hạn hợp đồng của (các) quyền lợi này là một năm và có thể gia hạn hàng năm.
- Phí bảo hiểm của (các) quyền lợi này sẽ thay đổi hàng năm theo tuổi của Người được bảo hiểm. Phí thể hiện ở đây là Phí năm đầu tiên tại thời điểm tham gia bảo hiểm.

Phiên bản: 4.5.0



Bên Mua Bảo Hiểm:	Nguyễn Văn A
Tư Vấn Viên:	DUMMY_ACT
Mã Số Tư Vấn Viên:	0000000000001
Ngày in:	01/12/2019

TÓM TẮT PHÍ BẢO HIỂM			
Phí bảo hiểm	Hàng năm	Hàng nửa năm	Hàng quý
Phí bảo hiểm cơ bản	10,500,000	5,250,000	2,625,000
Phí bảo hiểm tăng cường	2,734,000	1,367,000	684,000
Phí bảo hiểm định kỳ	13,234,000	6,617,000	3,309,000
Phí bảo hiểm đóng thêm	9,500,000		

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM		
SẢN PHẨM BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	MỨC QUYỀN LỢI
NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM – NGUYỄN VĂN A		
PHÚC BẢO AN TRƯỜNG THỊNH 2.0 (CUL01) QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN	Quyền lợi trong trường hợp tử vong/TTTBVV	510,118,000~8,726,051,000
	Giá trị tài khoản hợp đồng ước tính	11,977,000 ~ 8,726,051,000
QUYỀN LỢI TỬ VONG VÀ THƯƠNG TẬT DO TAI NẠN (UAD)	Quyền lợi trong trường hợp tử vong do tai nạn	100,000,000
	Quyền lợi trong trường hợp tử vong do tai nạn bởi các phương tiện công cộng	200,000,000
	Quyền lợi trong trường hợp tử vong do tai nạn bởi phương tiện máy bay	400,000,000
	Quyền lợi trong trường hợp thương tật do tai nạn (căn cứ theo bảng mức độ thương tật)	1,000,000~100,000,000

Phiên bản: 4.5.0



Bên Mua Bảo Hiểm:	Nguyễn Văn A
Tư Vấn Viên:	DUMMY_ACT
Mã Số Tư Vấn Viên:	0000000000001
Ngày in:	01/12/2019

QUYỀN LỢI BỆNH HIỂM NGHÈO (UCI) ^(**)	Quyền lợi bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần thứ nhất	50,000,000
	Quyền lợi bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần thứ hai	50,000,000
	Quyền lợi bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau	100,000,000
QUYỀN LỢI HỖ TRỢ VIỆN PHÍ (UHS)	Quyền lợi hỗ trợ mỗi ngày nằm viện (Tối đa 90 ngày cộng dồn cho mỗi năm hợp đồng)	500,000
	Quyền lợi hỗ trợ mỗi ngày chăm sóc đặc biệt (Tối đa 30 ngày cộng dồn cho mỗi năm hợp đồng)	1,000,000
	Quyền lợi hỗ trợ mỗi lần phẫu thuật (Tối đa 1 lần Phẫu thuật cho mỗi năm hợp đồng)	2,500,000

(**):

- Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần thứ hai được chi trả nếu khác Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần thứ nhất.
- Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu sẽ được khấu trừ từ quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau nếu cùng loại với bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau.
- Duy nhất một Quyền lợi bệnh hiểm nghèo được chi trả nếu mắc nhiều hơn một Bệnh hiểm nghèo do cùng một Tai nạn gây ra.
- Tổng quyền lợi tối đa cho Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu và Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau không được vượt quá Số tiền bảo hiểm của Quyền lợi tăng cường Bệnh hiểm nghèo.

Phiên bản: 4.5.0



Bên Mua Bảo Hiểm: Nguyễn Văn A
 Tư Vấn Viên: DUMMY_ACT
 Mã Số Tư Vấn Viên: 0000000000001
 Ngày in: 01/12/2019

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM

Năm hợp đồng/ Tuổi	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm QL tăng cường	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí đã đóng (Hàng năm)	Phí ban đầu	Phí bảo hiểm được phân bổ	
						Tài khoản cơ bản	Tài khoản đóng thêm
1 / 35	10,500,000	2,734,000	9,500,000	22,734,000	8,717,000	4,517,000	9,500,000
2 / 36	10,500,000	2,740,000	9,500,000	22,740,000	6,346,000	6,894,000	9,500,000
3 / 37	10,500,000	2,753,000	9,500,000	22,753,000	3,838,000	9,415,000	9,500,000
4 / 38	10,500,000	2,775,000	9,500,000	22,775,000	1,328,000	11,947,000	9,500,000
5 / 39	10,500,000	2,815,000	9,500,000	22,815,000	666,000	12,649,000	9,500,000
6 / 40	10,500,000	2,843,000	9,500,000	22,843,000	352,000	12,991,000	9,500,000
7 / 41	10,500,000	2,915,000	9,500,000	22,915,000	210,000	13,205,000	9,500,000
8 / 42	10,500,000	2,965,000	9,500,000	22,965,000	210,000	13,255,000	9,500,000
9 / 43	10,500,000	3,015,000	9,500,000	23,015,000	210,000	13,305,000	9,500,000
10 / 44	10,500,000	3,065,000	9,500,000	23,065,000	210,000	13,355,000	9,500,000
11 / 45	10,500,000	3,165,000	9,500,000	23,165,000	210,000	13,455,000	9,500,000
12 / 46	10,500,000	3,255,000	9,500,000	23,255,000	210,000	13,545,000	9,500,000
13 / 47	10,500,000	3,345,000	9,500,000	23,345,000	210,000	13,635,000	9,500,000
14 / 48	10,500,000	3,435,000	9,500,000	23,435,000	210,000	13,725,000	9,500,000
15 / 49	10,500,000	3,525,000	9,500,000	23,525,000	210,000	13,815,000	9,500,000

Phiên bản: 4.5.0



Bên Mua Bảo Hiểm:	Nguyễn Văn A
Tư Vấn Viên:	DUMMY_ACT
Mã Số Tư Vấn Viên:	0000000000001
Ngày in:	01/12/2019

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM: PHÚC BẢO AN TRƯỜNG THỊNH 2.0 (CUL01)										
Năm hợp đồng/Tuổi	Tổng phí BH đã đóng	GIÁ TRỊ ĐẢM BẢO								Rút tiền
		Phí quản lý hợp đồng	Phí BH rủi ro	Thưởng duy trì HĐ	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	
1 / 35	22,734,000	360,000	2,491,000	-	1,815,000	9,975,000	11,790,000	9,776,000	509,975,000	
2 / 36	45,474,000	360,000	2,590,000	-	6,116,000	20,351,000	26,467,000	19,944,000	520,351,000	
3 / 37	68,227,000	360,000	2,694,000	-	13,064,000	31,045,000	44,109,000	32,988,000	531,045,000	
4 / 38	91,002,000	360,000	2,793,000	-	22,823,000	42,167,000	64,990,000	54,697,000	542,167,000	
5 / 39	113,817,000	360,000	2,902,000	829,000	34,420,000	53,734,000	88,154,000	77,629,000	553,734,000	
6 / 40	136,660,000	360,000	3,075,000	-	45,367,000	65,131,000	110,498,000	103,945,000	565,131,000	
7 / 41	159,575,000	360,000	3,201,000	-	56,735,000	76,870,000	133,605,000	127,868,000	576,870,000	
8 / 42	182,540,000	360,000	3,334,000	-	68,360,000	88,961,000	157,321,000	152,392,000	588,961,000	
9 / 43	205,555,000	360,000	3,469,000	-	80,248,000	101,415,000	181,663,000	177,535,000	601,415,000	
10 / 44	228,620,000	360,000	3,604,000	3,469,000	95,876,000	114,242,000	210,118,000	206,783,000	614,242,000	
11 / 45	251,785,000	360,000	3,901,000	-	107,227,000	126,217,000	233,444,000	230,920,000	626,217,000	
12 / 46	275,040,000	360,000	4,050,000	-	118,746,000	138,431,000	257,177,000	254,408,000	638,431,000	
13 / 47	298,385,000	360,000	4,203,000	-	130,432,000	150,890,000	281,322,000	278,304,000	650,890,000	
14 / 48	321,820,000	360,000	4,356,000	-	142,290,000	163,598,000	305,887,000	302,616,000	663,598,000	
15 / 49	345,345,000	360,000	4,519,000	6,575,000	160,886,000	176,560,000	337,446,000	333,915,000	676,560,000	
16 / 50	345,345,000	360,000	4,970,000	-	158,716,000	180,091,000	338,807,000	335,205,000	680,091,000	
17 / 51	345,345,000	360,000	5,281,000	-	156,189,000	183,693,000	339,882,000	336,208,000	683,693,000	
18 / 52	345,345,000	360,000	5,627,000	-	153,261,000	187,367,000	340,627,000	336,881,000	687,367,000	
19 / 53	345,345,000	360,000	6,019,000	-	149,878,000	191,114,000	340,992,000	337,170,000	691,114,000	
20 / 54	345,345,000	360,000	6,455,000	-	145,987,000	194,936,000	340,924,000	337,024,000	694,936,000	
21 / 55	345,345,000	360,000	7,227,000	-	141,238,000	198,835,000	340,073,000	336,096,000	698,835,000	
22 / 56	345,345,000	360,000	7,756,000	-	135,859,000	202,812,000	338,671,000	334,615,000	702,812,000	
23 / 57	345,345,000	360,000	8,335,000	-	129,788,000	206,868,000	336,656,000	332,519,000	706,868,000	
24 / 58	345,345,000	360,000	8,958,000	-	122,965,000	211,005,000	333,970,000	329,750,000	711,005,000	

Phiên bản: 4.5.0



Bên Mua Bảo Hiểm:	Nguyễn Văn A
Tư Vấn Viên:	DUMMY_ACT
Mã Số Tư Vấn Viên:	0000000000001
Ngày in:	01/12/2019

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM: PHÚC BẢO AN TRƯỜNG THỊNH 2.0 (CUL01)

Năm hợp đồng/Tuổi bảo hiểm	Tổng phí BH đã đóng	GIÁ TRỊ ĐẢM BẢO								Rút tiền
		Phí quản lý hợp đồng	Phí BH rủi ro	Thưởng duy trì HD	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/TTTBVV	
25 / 59	345,345,000	360,000	9,775,000	-	115,180,000	215,225,000	330,405,000	326,101,000	715,225,000	
26 / 60	345,345,000	360,000	11,318,000	-	105,680,000	219,530,000	325,210,000	320,819,000	719,530,000	
27 / 61	345,345,000	360,000	12,504,000	-	94,790,000	223,921,000	318,711,000	314,233,000	723,921,000	
28 / 62	345,345,000	360,000	13,871,000	-	82,302,000	228,399,000	310,701,000	306,133,000	728,399,000	
29 / 63	345,345,000	360,000	15,441,000	-	67,977,000	232,967,000	300,944,000	296,285,000	732,967,000	
30 / 64	345,345,000	360,000	17,241,000	-	51,546,000	237,626,000	289,173,000	284,419,000	737,626,000	
31 / 65	345,345,000	360,000	12,078,000	-	40,005,000	242,379,000	282,384,000	277,536,000	742,379,000	
32 / 66	345,345,000	360,000	13,576,000	-	26,719,000	247,226,000	273,945,000	269,000,000	747,226,000	
33 / 67	345,345,000	360,000	15,267,000	-	11,459,000	252,171,000	263,629,000	258,587,000	752,171,000	
34 / 68	345,345,000	360,000	17,178,000	-		251,176,000	251,176,000	246,152,000	751,176,000	
35 / 69	345,345,000	360,000	18,906,000	-		236,725,000	236,725,000	231,991,000	736,725,000	
36 / 70	345,345,000	360,000	20,686,000	-		220,186,000	220,186,000	215,782,000	720,186,000	
37 / 71	345,345,000	360,000	22,716,000	-		201,264,000	201,264,000	197,239,000	701,264,000	
38 / 72	345,345,000	360,000	25,042,000	-		179,614,000	179,614,000	176,022,000	679,614,000	
39 / 73	345,345,000	360,000	27,672,000	-		154,872,000	154,872,000	151,775,000	654,872,000	
40 / 74	345,345,000	360,000	30,552,000	-		126,723,000	126,723,000	124,189,000	626,723,000	
41 / 75	345,345,000	360,000	33,627,000	-		94,904,000	94,904,000	93,006,000	594,904,000	
42 / 76	345,345,000	360,000	36,852,000	-		59,188,000	59,188,000	58,004,000	559,188,000	
43 / 77	345,345,000	360,000	40,187,000	-		19,386,000	19,386,000	18,998,000	519,386,000	
44 / 78	(*) Giá trị tài khoản hợp đồng (minh họa ở mức lãi suất này) sau khi trừ đi phí quản lý hợp đồng và các phí khác (nếu có) nhỏ hơn hoặc bằng 0									

Phiên bản: 4.5.0


 Bên Mua Bảo Hiểm: Nguyễn Văn A
 Tư Vấn Viên: DUMMY_ACT
 Mã Số Tư Vấn Viên: 0000000000001
 Ngày in: 01/12/2019

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM: PHÚC BẢO AN TRƯỜNG THỊNH 2.0 (CUL01)										
Năm hợp đồng/Tuổ i bảo hiểm	Tổng phí BH đã đóng	GIÁ TRỊ MINH HỌA VỚI LÃI SUẤT 6.5%/NĂM								Rút tiền
		Phí quản lý hợp đồng	Phí BH rủi ro	Thưởng duy trì HD	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	
1 / 35	22,734,000	360,000	2,491,000	-	1,860,000	10,118,000	11,977,000	9,916,000	510,118,000	
2 / 36	45,474,000	360,000	2,589,000	-	6,323,000	20,893,000	27,216,000	20,475,000	520,893,000	
3 / 37	68,227,000	360,000	2,693,000	-	13,654,000	32,368,000	46,022,000	34,875,000	532,368,000	
4 / 38	91,002,000	360,000	2,790,000	-	24,058,000	44,590,000	68,647,000	58,306,000	544,590,000	
5 / 39	113,817,000	360,000	2,897,000	862,000	36,638,000	57,605,000	94,243,000	83,641,000	557,605,000	
6 / 40	136,660,000	360,000	3,065,000	-	49,363,000	71,467,000	120,830,000	114,151,000	571,467,000	
7 / 41	159,575,000	360,000	3,183,000	-	63,021,000	86,230,000	149,251,000	143,326,000	586,230,000	
8 / 42	182,540,000	360,000	3,306,000	-	77,493,000	101,953,000	179,445,000	174,257,000	601,953,000	
9 / 43	205,555,000	360,000	3,425,000	-	92,835,000	118,697,000	211,532,000	207,058,000	618,697,000	
10 / 44	228,620,000	360,000	3,541,000	3,890,000	112,998,000	136,530,000	249,528,000	245,747,000	636,530,000	
11 / 45	251,785,000	360,000	3,806,000	-	130,413,000	155,522,000	285,935,000	282,825,000	655,522,000	
12 / 46	275,040,000	360,000	3,915,000	-	148,944,000	175,748,000	324,692,000	321,177,000	675,748,000	
13 / 47	298,385,000	360,000	4,016,000	-	168,671,000	197,289,000	365,960,000	362,014,000	697,289,000	
14 / 48	321,820,000	360,000	4,102,000	-	189,687,000	220,231,000	409,917,000	405,513,000	720,231,000	
15 / 49	345,345,000	360,000	4,182,000	8,356,000	220,437,000	244,663,000	465,100,000	460,207,000	744,663,000	
16 / 50	345,345,000	360,000	4,517,000	-	229,718,000	260,566,000	490,284,000	485,073,000	760,566,000	
17 / 51	345,345,000	360,000	4,697,000	-	239,416,000	277,503,000	516,919,000	511,369,000	777,503,000	
18 / 52	345,345,000	360,000	4,885,000	-	249,550,000	295,541,000	545,091,000	539,180,000	795,541,000	
19 / 53	345,345,000	360,000	5,082,000	-	260,138,000	314,751,000	574,889,000	568,594,000	814,751,000	
20 / 54	345,345,000	360,000	5,283,000	-	271,207,000	335,210,000	606,416,000	599,713,000	835,210,000	
21 / 55	345,345,000	360,000	5,775,000	-	282,485,000	356,998,000	639,484,000	632,343,000	856,998,000	
22 / 56	345,345,000	360,000	5,972,000	-	294,293,000	380,203,000	674,497,000	666,892,000	880,203,000	
23 / 57	345,345,000	360,000	6,160,000	-	306,674,000	404,916,000	711,591,000	703,492,000	904,916,000	
24 / 58	345,345,000	360,000	6,322,000	-	319,692,000	431,236,000	750,928,000	742,303,000	931,236,000	
25 / 59	345,345,000	360,000	6,592,000	-	333,276,000	459,266,000	792,542,000	783,357,000	959,266,000	

Phiên bản: 4.5.0



Bên Mua Bảo Hiểm:	Nguyễn Văn A
Tư Vấn Viên:	DUMMY_ACT
Mã Số Tư Vấn Viên:	0000000000001
Ngày in:	01/12/2019

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM: PHÚC BẢO AN TRƯỜNG THỊNH 2.0 (CUL01)

Năm hợp đồng/Tuổi bảo hiểm	Tổng phí BH đã đóng	GIÁ TRỊ MINH HỌA VỚI LÃI SUẤT 6.5%/NĂM								Rút tiền
		Phí quản lý hợp đồng	Phí BH rủi ro	Thườn g duy trì HD	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	
26 / 60	345,345,000	360,000	7,479,000	-	346,826,000	489,119,000	835,944,000	826,163,000	989,119,000	
27 / 61	345,345,000	360,000	7,870,000	-	360,852,000	520,911,000	881,763,000	871,345,000	1,020,911,000	
28 / 62	345,345,000	360,000	8,271,000	-	375,373,000	554,771,000	930,144,000	919,049,000	1,054,771,000	
29 / 63	345,345,000	360,000	8,673,000	-	390,423,000	590,831,000	981,254,000	969,437,000	1,090,831,000	
30 / 64	345,345,000	360,000	9,063,000	-	406,047,000	629,235,000	1,035,281,000	1,022,697,000	1,129,235,000	
31 / 65	345,345,000	360,000	2,217,000	-	429,770,000	670,135,000	1,099,904,000	1,086,502,000	1,170,135,000	
32 / 66	345,345,000	360,000	1,708,000	-	455,560,000	713,694,000	1,169,254,000	1,154,980,000	1,213,694,000	
33 / 67	345,345,000	360,000	1,010,000	-	483,749,000	760,084,000	1,243,833,000	1,228,631,000	1,260,084,000	
34 / 68	345,345,000	360,000	177,000	-	514,633,000	809,489,000	1,324,122,000	1,307,932,000	1,324,122,000	
35 / 69	345,345,000	360,000	-	-	547,712,000	862,106,000	1,409,818,000	1,392,576,000	1,409,818,000	
36 / 70	345,345,000	360,000	-	-	582,941,000	918,143,000	1,501,083,000	1,482,721,000	1,501,084,000	
37 / 71	345,345,000	360,000	-	-	620,459,000	977,822,000	1,598,281,000	1,578,725,000	1,598,281,000	
38 / 72	345,345,000	360,000	-	-	660,416,000	1,041,381,000	1,701,797,000	1,680,969,000	1,701,797,000	
39 / 73	345,345,000	360,000	-	-	702,971,000	1,109,070,000	1,812,041,000	1,789,860,000	1,812,041,000	
40 / 74	345,345,000	360,000	-	-	748,291,000	1,181,160,000	1,929,451,000	1,905,828,000	1,929,451,000	
41 / 75	345,345,000	360,000	-	-	796,558,000	1,257,935,000	2,054,493,000	2,029,334,000	2,054,493,000	
42 / 76	345,345,000	360,000	-	-	847,962,000	1,339,701,000	2,187,663,000	2,160,869,000	2,187,663,000	
43 / 77	345,345,000	360,000	-	-	902,707,000	1,426,782,000	2,329,488,000	2,300,953,000	2,329,489,000	
44 / 78	345,345,000	360,000	-	-	961,010,000	1,519,522,000	2,480,532,000	2,450,142,000	2,480,532,000	
45 / 79	345,345,000	360,000	-	-	1,023,103,000	1,618,291,000	2,641,394,000	2,609,028,000	2,641,394,000	
46 / 80	345,345,000	360,000	-	-	1,089,232,000	1,723,480,000	2,812,712,000	2,778,242,000	2,812,712,000	
47 / 81	345,345,000	360,000	-	-	1,159,660,000	1,835,506,000	2,995,166,000	2,958,456,000	2,995,166,000	
48 / 82	345,345,000	360,000	-	-	1,234,665,000	1,954,814,000	3,189,479,000	3,150,383,000	3,189,479,000	
49 / 83	345,345,000	360,000	-	-	1,314,546,000	2,081,877,000	3,396,423,000	3,354,785,000	3,396,423,000	
50 / 84	345,345,000	360,000	-	-	1,399,619,000	2,217,199,000	3,616,818,000	3,572,474,000	3,616,818,000	
51 / 85	345,345,000	360,000	-	-	1,490,221,000	2,361,317,000	3,851,539,000	3,804,312,000	3,851,538,000	

Phiên bản: 4.5.0



Bên Mua Bảo Hiểm: Nguyễn Văn A
 Tư Vấn Viên: DUMMY_ACT
 Mã Số Tư Vấn Viên: 0000000000001
 Ngày in: 01/12/2019

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM: PHÚC BẢO AN TRƯỜNG THỊNH 2.0 (CUL01)

Năm hợp đồng/Tuổi bảo hiểm	Tổng phí BH đã đóng	GIÁ TRỊ MINH HỌA VỚI LÃI SUẤT 6.5%/NĂM								Rút tiền
		Phí quản lý hợp đồng	Phí BH rủi ro	Thưởng duy trì HD	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tử vong/TTTBVV	
52 / 86	345,345,000	360,000	-	-	1,586,713,000	2,514,803,000	4,101,516,000	4,051,220,000	4,101,516,000	
53 / 87	345,345,000	360,000	-	-	1,689,477,000	2,678,265,000	4,367,742,000	4,314,177,000	4,367,742,000	
54 / 88	345,345,000	360,000	-	-	1,798,920,000	2,852,352,000	4,651,273,000	4,594,225,000	4,651,272,000	
55 / 89	345,345,000	360,000	-	-	1,915,478,000	3,037,755,000	4,953,233,000	4,892,478,000	4,953,233,000	
56 / 90	345,345,000	360,000	-	-	2,039,611,000	3,235,209,000	5,274,820,000	5,210,116,000	5,274,820,000	
57 / 91	345,345,000	360,000	-	-	2,171,813,000	3,445,498,000	5,617,311,000	5,548,401,000	5,617,311,000	
58 / 92	345,345,000	360,000	-	-	2,312,609,000	3,669,455,000	5,982,064,000	5,908,675,000	5,982,064,000	
59 / 93	345,345,000	360,000	-	-	2,462,556,000	3,907,970,000	6,370,526,000	6,292,367,000	6,370,526,000	
60 / 94	345,345,000	360,000	-	-	2,622,249,000	4,161,988,000	6,784,237,000	6,700,997,000	6,784,237,000	
61 / 95	345,345,000	360,000	-	-	2,792,323,000	4,432,517,000	7,224,840,000	7,136,190,000	7,224,840,000	
62 / 96	345,345,000	360,000	-	-	2,973,451,000	4,720,631,000	7,694,082,000	7,599,669,000	7,694,082,000	
63 / 97	345,345,000	360,000	-	-	3,166,353,000	5,027,472,000	8,193,825,000	8,093,276,000	8,193,825,000	
64 / 98	345,345,000	360,000	-	-	3,371,793,000	5,354,257,000	8,726,051,000	8,618,965,000	8,726,051,000	

Ghi chú:

- Bảng minh họa này được tính dựa trên giả định tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm được xếp loại chuẩn và Phí bảo hiểm được đóng theo định kỳ hàng năm. Với các định kỳ đóng phí và thời điểm đóng phí khác, Giá trị tài khoản cơ bản, Giá trị tài khoản đóng thêm và các chi phí liên quan sẽ thay đổi phụ thuộc vào phí bảo hiểm thực đóng và thời gian đóng phí thực tế.
- Mức lãi suất đầu tư trình bày ở bảng trên chỉ là mức lãi suất minh họa. Lãi suất đầu tư thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức lãi suất minh họa nêu trên nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.
- Thời hạn đóng phí minh họa trên đây chỉ là Thời hạn đóng phí dự kiến. Bên mua bảo hiểm có thể đóng phí dài hơn hoặc ngắn hơn phụ thuộc vào nhu cầu tiết kiệm và bảo vệ của mình.
- Giá trị tài khoản cơ bản, Giá trị tài khoản đóng thêm, Giá trị tài khoản hợp đồng và Giá trị hoàn lại là giá trị tại thời điểm cuối năm hợp đồng.

Phiên bản: 4.5.0



Bên Mua Bảo Hiểm: Nguyễn Văn A
 Tư Vấn Viên: DUMMY_ACT
 Mã Số Tư Vấn Viên: 0000000000001
 Ngày in: 01/12/2019

5. Phí bảo hiểm định kỳ = Phí bảo hiểm cơ bản + Phí bảo hiểm tăng cường (Bao gồm quyền lợi dành cho người được bảo hiểm chính và người được bảo hiểm hiêm bổ sung nếu có). Phí bảo hiểm đóng thêm là khoản tiền mà Bên mua bảo hiểm đóng thêm sau khi Phí bảo hiểm định kỳ được đóng đầy đủ cho năm hợp đồng hiện tại.

6. Các giá trị trong bản minh họa hợp đồng này được tính dựa trên thông tin tại năm hợp đồng đầu tiên.

Phiên bản: 4.5.0



Bên Mua Bảo Hiểm:	Nguyễn Văn A
Tư Vấn Viên:	DUMMY_ACT
Mã Số Tư Vấn Viên:	0000000000001
Ngày in:	01/12/2019

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Fubon Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư vốn.

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 60GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 15/12/2010. Vốn điều lệ: 1.400 tỷ đồng.

Tầng 10 và 11, tòa nhà Discovery Complex, 302 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: +84-24-62 827 888 – Fax: +84-24-62 827 878

Trang thông tin điện tử: <https://www.fubonlife.com.vn>

BẢNG MINH HỌA NÀY LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM. BẢNG MINH HỌA NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ KHI CÓ ĐẦY ĐỦ SỐ TRANG VÀ CHỮ KÝ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN BẢO HIỂM

Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã giải thích và tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên mọi thông tin chi tiết ở các trang của Bảng minh họa này cũng như Quy tắc điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.

Chữ ký: _____

Ngày:/...../.....

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã đọc và được tư vấn đầy đủ mọi thông tin chi tiết ở các trang của Bảng minh họa này cũng như nội dung Quy tắc điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.

Chữ ký: _____

Ngày:/...../.....

Phiên bản: 4.5.0



Bên Mua Bảo Hiểm: Nguyễn Văn A
Tư Vấn Viên: DUMMY_ACT
Mã Số Tư Vấn Viên: 0000000000001
Ngày in: 01/12/2019